

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3421* /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *09* tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tự chủ và giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với 19 trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí giai đoạn 2023-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Kết luận số 28-KH/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tình hình biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026 và Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo "Ban hành Điều lệ trường mầm non"; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về định mức số người làm việc trong cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Chương trình hành động số 21- CTr/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII;

Căn cứ Kế hoạch số 162-KH/TU ngày 26/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 28-KH/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 240-KH/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sử dụng và tinh giản biên chế công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022- 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021 - 2022 đến năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 21-CT/TU của BCH Đảng bộ tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 24/3/2022 của UBND tỉnh về tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2022-2023.

Căn cứ Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí tại Tờ trình số 1959/TTr-UBND ngày 20/9/2023 và ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ tại Văn bản số 157/BC-SNV ngày 31/8/2023; căn cứ Phiếu ghi ý kiến đồng ý của các thành viên UBND tỉnh tại văn bản số 3199/VP.UBND-VHXXH ngày 29/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tự chủ và giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với 19 trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí giai đoạn 2023 - 2025 (có danh sách tại Phụ lục

kèm theo), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chủ trương của Trung ương và của Tỉnh về kiện toàn cơ cấu tổ chức, tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước gắn với nâng cao năng lực tự chủ của các trường giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030. Tăng cường sự chủ động trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tự chủ về tài chính, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công; bảo đảm số lượng đi đôi với chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức, lao động của đơn vị đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao

2. Nội dung, nhiệm vụ thực hiện tự chủ của 19 trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí giai đoạn 2023 - 2025 (sau đây gọi chung là 19 trường)

2.1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Điều lệ trường học ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, các chỉ đạo có liên quan của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố Uông Bí.

2.2. Tự chủ về tổ chức, bộ máy

a) Căn cứ quy định và tình hình thực tiễn (hoặc khi có sự thay đổi về quy mô, khối lượng, tính chất công việc và mức tự chủ về tài chính, ...), các trường xây dựng phương án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của đơn vị trình Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí giải quyết theo thẩm quyền các nội dung về tổ chức, bộ máy, công tác nhân sự theo quy định; bảo đảm tinh gọn, nâng cao hiệu quả, chất lượng trong hoạt động, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Số lượng cấp phó của 19 trường thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 485/BNV-TCBC ngày 03/02/2022 của Bộ Nội vụ và Công văn số 722/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 01/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về số lượng cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp có quy định mới điều chỉnh, thay thế các văn bản trên thì thực hiện theo quy định mới).

2.3. Tự chủ về nhân lực

a) Nguyên tắc thực hiện

Tổng số lượng người làm việc cụ thể của 19 trường được xác định theo đúng nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 75/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa XV; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; không cao hơn định mức tại các

Thông tư hướng dẫn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành: Thông tư Liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ; Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định số lượng người làm việc là có căn cứ và đúng quy định.

b) Tổng số người làm việc của 19 trường mầm non, phổ thông công lập giai đoạn 2023-2025 là 753 người, trong đó số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước là 570 người, số người làm việc hưởng lương nguồn thu sự nghiệp là 183 người.

(Chi tiết từng trường được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

2.4. Tự chủ về tài chính

Thực hiện theo quy định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính; Quyết định số 4306/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc điều chỉnh giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục do UBND thành phố quản lý giai đoạn 2023-2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi về quy định liên quan đến tăng, giảm nguồn thu, bổ sung nguồn thu hợp pháp, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí phê duyệt điều chỉnh tỷ lệ tự chủ kịp thời theo thời điểm, đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời xây dựng, hoàn thiện Đề án tự chủ của cơ sở giáo dục trực thuộc theo tỷ lệ tự chủ và trình phê duyệt theo quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ của các cơ quan, địa phương, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện Đề án tự chủ 19 trường theo đúng nội dung được phê duyệt tại Quyết định này và các quy định liên quan của pháp luật hiện hành, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện (qua Sở Nội vụ); chủ động rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định phê duyệt Đề án tự chủ của 19 trường (khi có thay đổi về quy định liên quan đến tăng, giảm nguồn thu, bổ sung nguồn thu hợp pháp) bảo đảm thực hiện hiệu quả, đúng quy định.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát 19 trường thực hiện tổng thể các nội dung Đề án tự chủ theo đúng nội dung được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và quy định của pháp luật; kịp thời đề nghị sửa đổi, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập (khi có thay đổi về quy định liên quan đến tăng, giảm nguồn thu, bổ sung nguồn thu hợp pháp) theo đúng quy định, thẩm quyền.

c) Chịu trách nhiệm về việc làm ổn định và tiền lương, chế độ chính sách cho viên chức, hợp đồng lao động của 19 trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp).

d) Chủ trì triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, gửi Sở Nội vụ chủ trì, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vị trí việc làm của 19 trường và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung danh mục vị trí việc làm (khi có sự thay đổi về tỷ lệ tự chủ, Đề án tự chủ theo quy định của pháp luật hiện hành). Chỉ đạo các trường mầm non, phổ thông hoàn thiện Bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm.

đ) Xác định số lượng người làm việc theo từng vị trí việc làm, bao gồm số lượng người làm việc hưởng lương ngân sách và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp và quản lý, sử dụng, tuyển dụng theo quy định; báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp). Rà soát, bố trí, điều chỉnh số lượng người làm theo vị trí việc làm, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức, hợp đồng lao động chưa đáp ứng tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp, trình độ chuyên môn hoặc giải quyết các trường hợp không phù hợp với vị trí việc làm theo quy định.

e) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo từng năm, trên cơ sở số lượng đã được phê duyệt tại Đề án tự chủ theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Thẩm định kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm và số lượng người làm việc theo định mức của các trường học trên địa bàn thành phố Uông Bí.

3. Sở Nội vụ: Hướng dẫn thực hiện Đề án tự chủ, Đề án vị trí việc làm, tuyển dụng, sử dụng, thực hiện chế độ chính sách và các nội dung liên quan khác đối với viên chức, hợp đồng lao động của 19 trường mầm non, phổ thông công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định của pháp luật và của tỉnh; chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí báo cáo kết quả thực hiện Đề án tự chủ của 19 trường.

4. Sở Tài chính: Phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Phương án tự chủ tài chính (khi cần thiết) và quản lý tài sản, tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật và của tỉnh.

5. Hiệu trưởng 19 trường mầm non, phổ thông công lập thực hiện tự chủ theo danh sách tại Phụ lục kèm theo Quyết định này:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Đề án của đơn vị, bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí và các cơ quan liên quan; sửa đổi, bổ sung Đề án (khi cần thiết) và Quyết định giao quyền tự chủ tài chính khi có sự thay đổi về nguồn thu dẫn đến thay đổi tỷ lệ tự chủ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định, thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai thực hiện Đề án tự chủ bảo

đảm chất lượng, hiệu quả; quản lý, sử dụng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định.

b) Thực hiện công tác tuyên truyền, công khai theo quy định và các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí liên quan đến công tác triển khai và thực hiện Đề án tự chủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung trước đây trái với quy định tại Quyết định này nay bãi bỏ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí; Hiệu trưởng 19 trường mầm non, phổ thông thuộc UBND thành phố Uông Bí có tên kèm theo Phụ lục của Quyết định này; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- QCT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban VHXH, Ban Pháp chế, Ban KTNS, HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lưu VT, GD.

TC-12.GD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hạnh

PHỤ LỤC
SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC CỦA 19 TRƯỜNG MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP
THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
(Kèm theo Quyết định số 3421/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

TT	Tên đơn vị	Tỷ lệ đảm bảo chi thường xuyên	Tổng số người làm việc theo định mức	Số người làm việc			Ghi chú
				Tổng số	Số lượng NLV hưởng lương NSNN	Số lượng NLV hưởng lương nguồn thu sự nghịệp	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng (I+II+III)		764	753	570	183	
I	Khối Mầm non		316	316	267	49	
1	Mầm non Thanh Sơn	18%	45	45	37	8	
2	Mầm non Phương Đông	18%	52	52	43	9	
3	Mầm non 19 - 5	13%	24	24	21	3	
4	Mầm non Phương Nam	17%	40	40	33	7	
5	Mầm non Bắc Sơn	15%	28	28	24	4	
6	Mầm non Yên Thanh	15%	28	28	24	4	
7	Mầm non Quang Trung	14%	30	30	26	4	
8	Mầm non Vàng Danh	14%	20	20	17	3	
9	Mầm non Nam Khê	13%	22	22	19	3	
10	Mầm non Trung Vương	15%	27	27	23	4	
II	Khối Trung học cơ sở		427	417	286	131	
1	Trung học cơ sở Bắc Sơn	26%	28	27	20	7	
2	Trung học cơ sở Trung Vương	28%	41	40	28	12	
3	Trung học cơ sở Trần Quốc Toàn	32%	82	80	54	26	
4	Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	32%	82	80	54	26	
5	Trung học cơ sở Phương Đông	34%	62	61	40	21	
6	Trung học cơ sở Yên Thanh	24%	38	37	28	9	
7	Trung học cơ sở Phương Nam	33%	49	48	32	16	
8	Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ	30%	45	44	30	14	
III	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở		21	20	17	3	
1	Tiểu học và Trung học cơ sở Nam Khê	13%	21	20	17	3	